



2023 BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

MỤC LỤC

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	1
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
Định hướng phát triển	4
Các rủi ro	5

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	1
Tổ chức và nhân sự	2
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	3
Tình hình tài chính	4
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	5
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	6

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	1
Tình hình tài chính	2
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	3
Kế hoạch phát triển trong tương lai	4
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	5
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	6

4 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	1
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	2
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	3

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	1
Ban Kiểm soát	2
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	3

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	1
Báo cáo tài chính	2



01 THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH
Tên tiếng anh	TRA VINH ELECTRIC DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	2100110200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu vào ngày 13/07/2006, thay đổi lần 6 ngày 08/07/2021.
Vốn điều lệ	52.800.000.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.800.000.000 đồng.
Địa chỉ	Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
Số điện thoại	0294 385 0017
Số fax	0294 385 0017
Website	www.diennongthontv.com
Mã cổ phiếu	DTV
Sàn giao dịch	UPCOM

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2005

Ngày 11/07/2005, Công ty chuyển đổi mô hình từ doanh nghiệp Nhà nước sang cổ phần hoá theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND cấp bởi UBND Tỉnh Trà Vinh.

1996

Tháng 04/1996, Ban Quản lý Điện nông thôn Trà Vinh được Ủy ban nhân dân (UBND) Tỉnh Trà Vinh quyết định thành lập Công ty Cổ phần (CTCP) Phát triển Điện Trà Vinh và đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu gần 500 triệu đồng.

2006

Ngày 13/07/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đã cấp giấy chứng nhận kinh doanh đăng ký số 2100110200 cho CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh với số vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng.

2010

Ngày 09/09/2010, CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (sàn giao dịch UPCOM) với mã chứng khoán là DTV.

2017

Ngày 01/08/2017, CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2020

Ngày 31/03/2020, CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5, chính thức đổi tên thành CTCP Phát triển Điện Trà Vinh.

2021

Ngày 29/03/2021, CTCP Phát triển Điện Trà Vinh tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2021-2025, từ đó thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

2022

CTCP Phát triển Điện Trà Vinh ghi nhận doanh thu hơn 591 tỷ đồng và lãi trước thuế hơn 35 tỷ đồng, lần lượt tăng hơn 6% và 10% so với kết quả thực hiện năm trước. Công ty hoàn thành tốt kế hoạch đề ra khi đã thực hiện đạt 99% chỉ tiêu doanh thu và vượt gần 2% kế hoạch lãi trước thuế năm 2022.

2023

CTCP Phát triển Điện Trà Vinh tiếp tục nỗ lực phát huy hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh đã đặt ra, mang lại lợi nhuận ổn định và lợi ích cho các cổ đông.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC GIẢI THƯỞNG

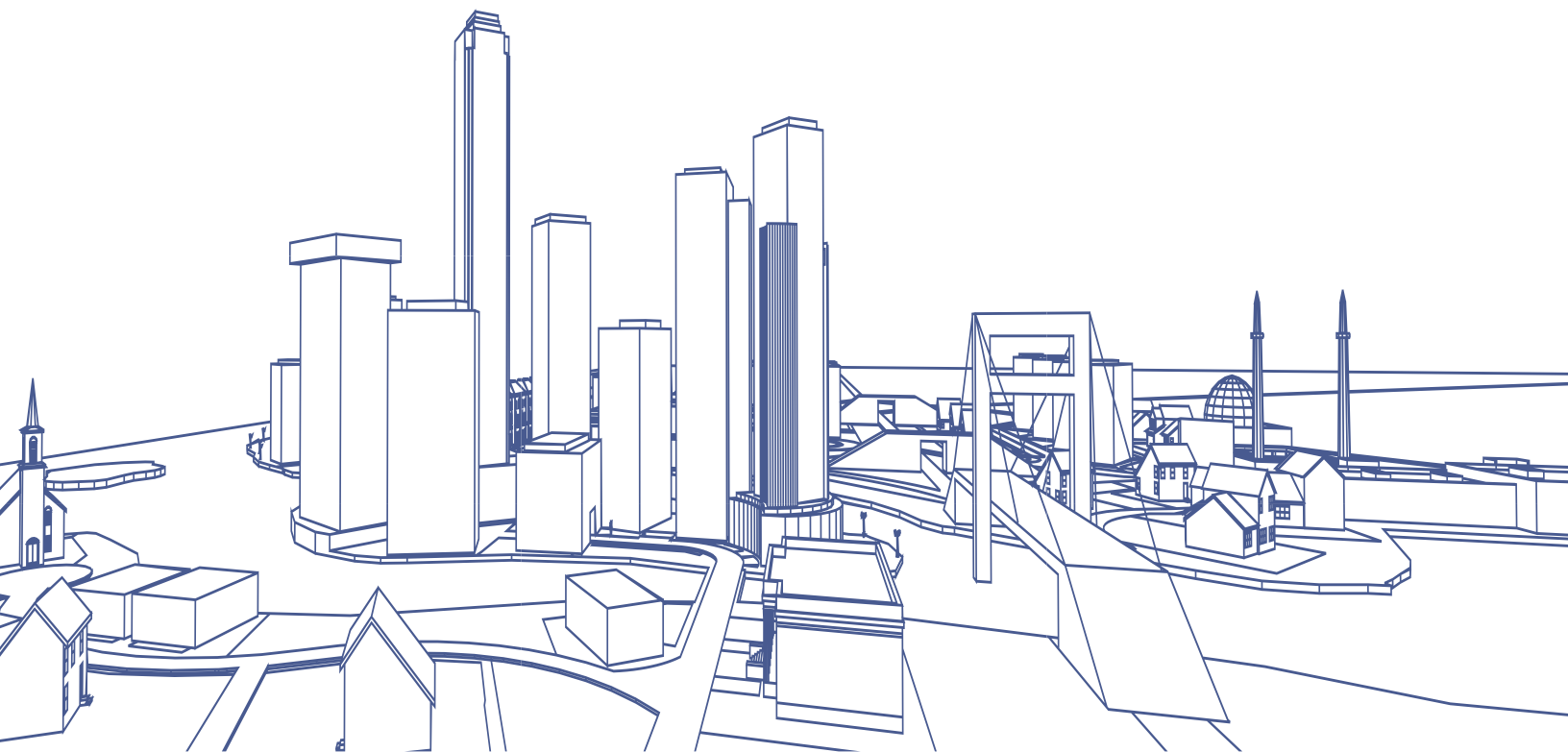
THỜI GIAN	GIẢI THƯỞNG
Năm 2012	Công ty được nhận bằng khen của UBND Tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2012.
	Công ty được nhận bằng khen của UBND Tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2013.
Năm 2013	Công ty được nhận huân chương Lao động hạng Ba giai đoạn 2009 - 2013 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 - 2013 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.
	Công ty được nhận bằng khen của Bộ Y tế vì đã có thành tích trong công tác phòng chống bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khoẻ người lao động năm 2013.
Năm 2014	Công ty được nhận cờ thi đua Tỉnh
Năm 2015	Công ty được nhận bằng khen UBND tỉnh vì đã có thành tích đóng góp cho phong trào thi đua yêu nước Tỉnh Trà Vinh 05 năm (2010 - 2015).
Năm 2016	Công ty được nhận cờ thi đua Tỉnh
Năm 2018	Công ty được nhận bằng khen UBND tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.
Năm 2019	Công ty được nhận bằng khen của Bộ Công Thương vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Bộ Công Thương, giai đoạn 2010 - 2020.
	Công ty được nhận bằng khen UBND tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019.
Năm 2020	Công ty được nhận bằng khen UBND tỉnh vì đã hoàn thành tốt chính sách, pháp luật thuế 2019.
	Công ty được nhận giấy khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện tốt các chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2020.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

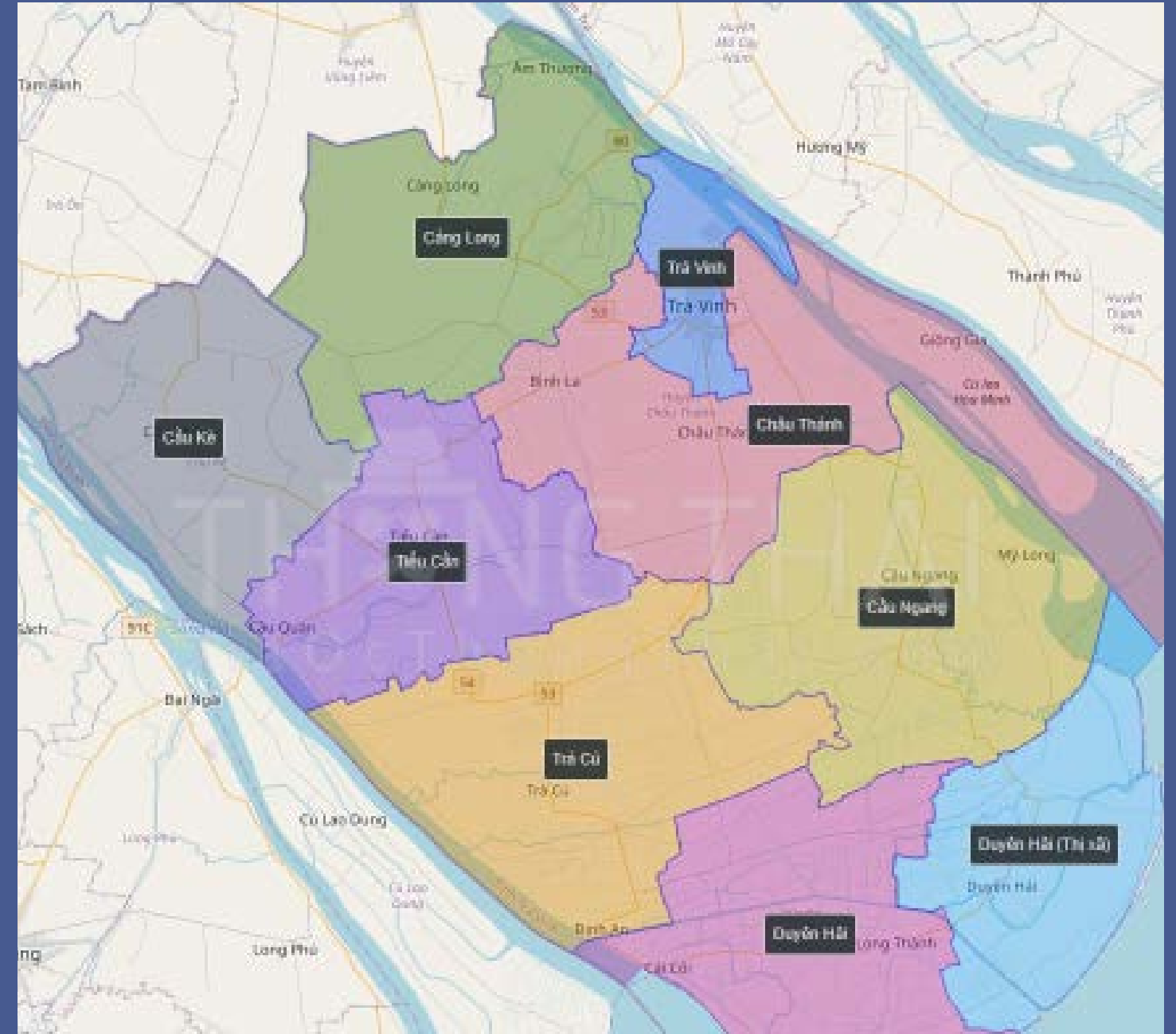
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ	TÊN NGÀNH/NGHỀ
4669 (Chính)	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện
4321	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Đầu tư xây dựng phát triển các công trình điện. Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35KV



ĐỊA BÀN KINH DOANH

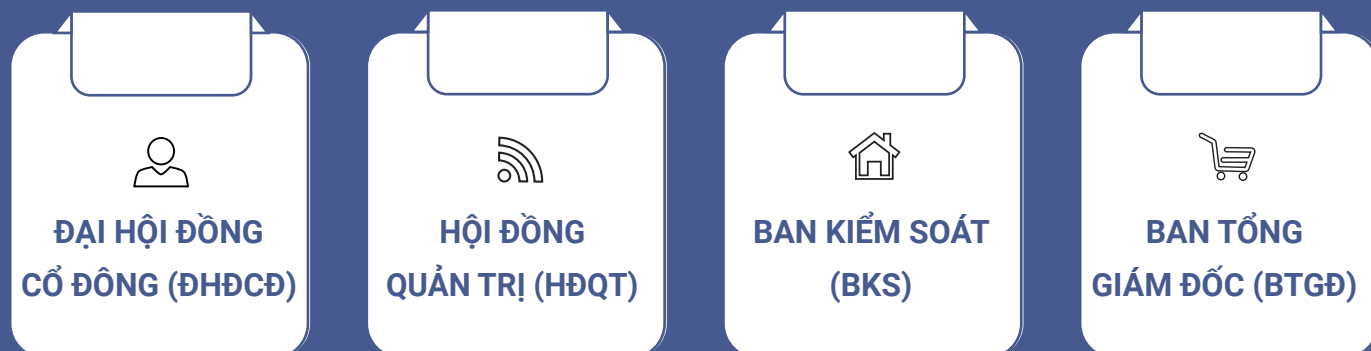
Hoạt động kinh doanh chủ yếu Công ty là thi công xây lắp công trình điện và kinh doanh mua bán, phân phối điện tại 8 đơn vị điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.



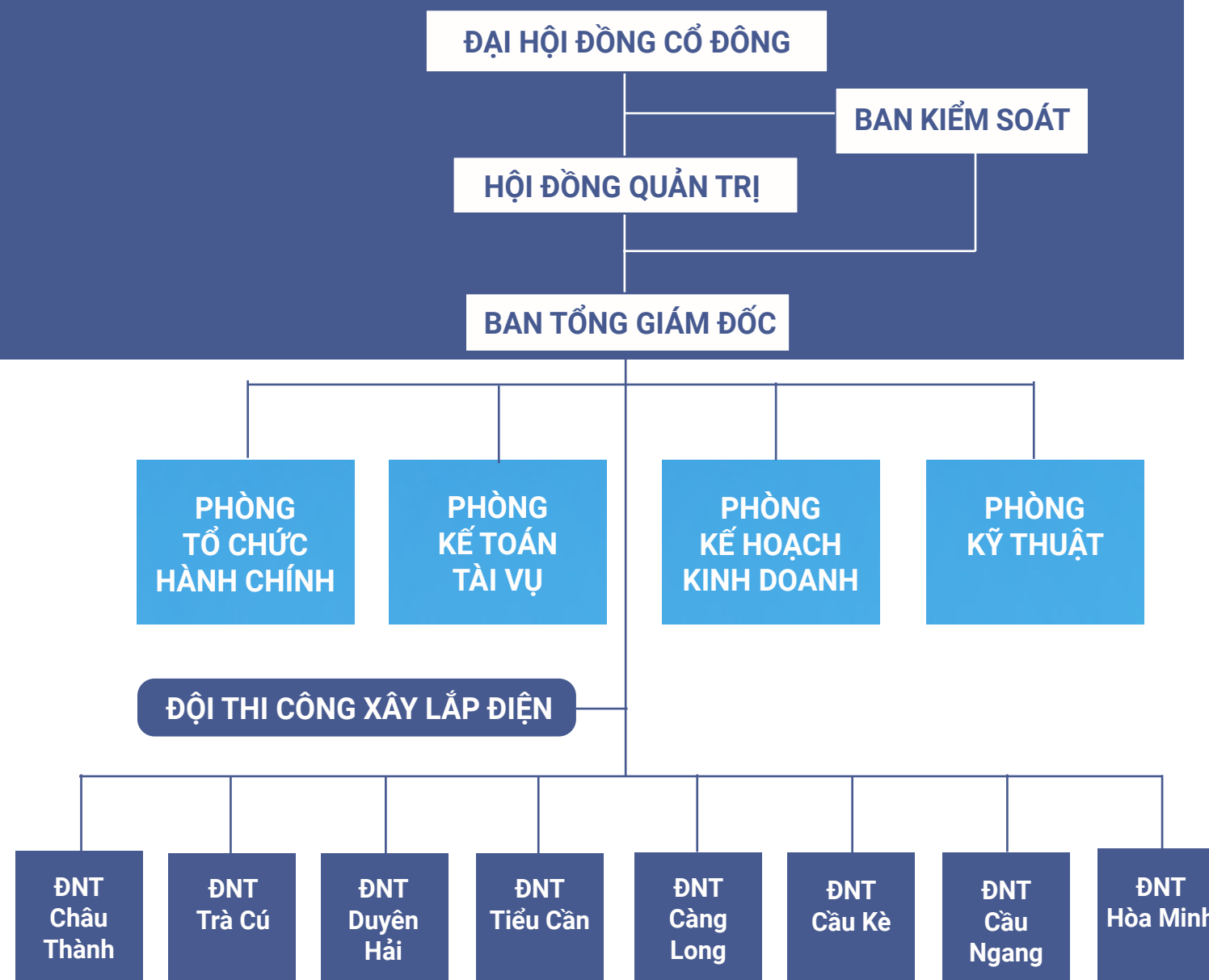
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CTCP Phát triển Điện Trà Vinh tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình quản trị bao gồm:



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo chỉ tiêu được thông qua tại Đại hội đồng cổ thông thường niên.
- Tập trung đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương bằng cách mở rộng các công trình đường dây trung hạ thế, cải tạo và xây dựng mới nhằm tăng sản lượng điện và doanh thu, nâng cấp hoặc nâng công suất các trạm biến áp quá tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất, nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương. Qua đó khắc phục nền kinh tế và an sinh xã hội, hướng tới mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Trà Vinh.
- Tiếp tục phát huy, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu năng lượng cho người dân trên địa bàn, ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch.
- Tăng cường nâng tầm vị thế, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh Trà Vinh, thực hiện đúng pháp luật, làm tròn nghĩa vụ Thuế với Nhà nước, bảo đảm an ninh, quốc phòng đất nước.
- Cung cấp điện an toàn hiệu quả cho người dân sử dụng điện trong năm 2023.
- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp sửa chữa đường dây trung hạ áp nhằm mục đích phát triển hộ sử dụng điện, tăng sản lượng điện, tăng doanh thu.
- Áp dụng công nghệ kỹ thuật số vào công tác ghi điện, tạo ra đa dạng các kênh thu tiền như banking, VNPT, Viettel... để nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin với khách hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây trung hạ thế để cung cấp điện an toàn, hiệu quả cho người dân, phát triển mạng lưới tới các hộ sử dụng, tạo sự tin tưởng với khách hàng nhằm phát triển nhu cầu sử dụng điện, tăng sản lượng đồng thời tăng doanh thu nhằm phát triển nền kinh tế cho địa phương, đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số.
- Phát triển điện năng lượng mặt trời, điện gió và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật điện, điện nông thôn phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển sản xuất, sinh hoạt của dân cư nhất là vùng chuyên canh của Tỉnh nhằm khắc phục các khó khăn, tiết kiệm chi phí và quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Chú trọng sử dụng năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, tránh khí thải, ứng dụng công nghệ mới nhằm tiết kiệm năng lượng nhưng hiệu quả.
- Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ để nâng cao tay nghề cho công nhân, các buổi sát hạch, diễn tập để củng cố và cập nhật kiến thức chuyên môn cho kỹ thuật viên, giáo dục cho công nhân luôn nâng cao kiến thức trong việc chấp hành tốt tổ chức kỷ luật, tuân thủ đúng quy trình sử dụng điện.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng đến các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng, mục tiêu cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch nhằm bảo vệ môi trường và thực hiện phát triển năng lượng bền vững, theo định hướng phát triển của ngành điện, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới, cụ thể như sau:
- Tuyên truyền và vận động để đảm bảo công tác an sinh xã hội được nâng cao hơn, nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của kinh tế - xã hội.
- Mục tiêu đáp ứng an ninh năng lượng của Tỉnh góp phần phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng đồng bộ và thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo việc phát triển kinh doanh đi đôi với phát triển toàn diện, phát triển ngành năng lượng một cách bền vững. Đồng thời, đồng bộ các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chăm lo an sinh, phúc lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động của Công ty.
- Thực hiện phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực nông thôn, tăng cường hiện đại hóa từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối là nhiệm vụ trọng tâm của ngành năng lượng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Mục tiêu của nhiệm vụ này là đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường điện, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023, nền kinh tế toàn cầu đang gặp rất nhiều khó khăn, suy thoái kinh tế và lạm phát cao vẫn diễn ra ở nhiều nước; an ninh năng lượng, an ninh lương thực và biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rất lớn tới thị trường giá cả hàng hóa. Cùng với đó, những căng thẳng từ các cuộc xung đột kéo dài và chính sách thắt chặt tiền tệ ở các nước cũng đã đem đến những hệ lụy không nhỏ cho nền kinh tế toàn cầu và nền kinh tế trong nước. Hoạt động sản xuất suy giảm, từ sản lượng công nghiệp đến vốn đầu tư và thương mại quốc tế, phản ánh tác động kết hợp của xu hướng dịch chuyển tiêu dùng sau đại dịch sang dịch vụ. Bất ổn địa chính trị gia tăng làm kim hãm sự phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Việc giá hàng hóa tăng cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng, nhiều quốc gia chứng kiến mức lạm phát kỷ lục trong nhiều năm.

Trước những biến động của thị trường quốc tế, Việt Nam là một trong những nước kiểm soát khá tốt trước những bất ổn kinh tế vĩ mô và những tác động tiêu cực của thị trường tài chính quốc tế. Theo nhiều dự báo, Việt Nam là một điểm sáng trong bức tranh nền kinh tế nói chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế với sự tăng trưởng GDP trong năm 2024. Để đối phó với tình hình lạm phát không ngừng tăng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, thận trọng nhằm hỗ trợ người dân và các công ty. Thay vì liên tục tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát như FED thì việc kéo giảm mặt bằng lãi suất cho vay, cải thiện khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người dân là định hướng xuyên suốt và ưu tiên hàng đầu của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, nhìn nhận thấy các khó khăn chung của nền kinh tế, Chính phủ đã và đang có nhiều biện pháp liên quan đến chính sách tài khóa như giải ngân vốn đầu tư công nhằm tăng cường kết nối vùng. Theo Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn so với kế hoạch là 6,5% tuy nhiên cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tại Việt Nam, mặc dù ngành điện là ngành chịu ít rủi ro bởi các yếu tố trên và hoạt động liên tục ở mọi chu kỳ kinh tế, nhưng các doanh nghiệp trong ngành cũng gặp nhiều khó khăn khi thực hiện nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là tình trạng nhu cầu tiêu thụ điện trong thời gian qua. Mặc

dù chính phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo để gia tăng sản lượng điện, nhưng cơ sở hạ tầng của ngành điện vẫn chưa hoàn thiện, nên phần nào cũng ảnh hưởng đến đà hồi phục của ngành điện nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

Theo báo cáo số 486 /BC-SCT của Sở Công Thương Tỉnh Trà Vinh ngày 19/09/2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 09/2023 tăng 9,82% so với tháng trước và 9 tháng tăng 24,68% so với 9 tháng cùng kỳ năm 2022. Tính chung, 9 tháng đầu năm 2023 có 08 sản phẩm tăng như sản xuất điện, thảm dệt, túi xách, thuốc viên các loại,... Trong đó, ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện tiếp tục tăng trưởng trong tháng 9, tăng 15,58% so với cùng kỳ năm 2022. Từ khoảng tháng 3 năm 2023, chỉ số công nghiệp của Trà Vinh bắt đầu tăng do nhu cầu sử dụng điện tăng mạnh, đồng thời Tỉnh cũng đã có hàng loạt công trình điện gió được hòa lưới điện quốc gia. Bên cạnh đó, trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh, công tác quản lý phát triển điện luôn được các đơn vị hoạt động điện lực thường xuyên đầu tư, cải tạo và nâng cấp lưới điện đáp ứng phụ tải và nhu cầu khách hàng. Diện mạo của Tỉnh từ thành thị đến nông thôn đều có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân nhất là đồng bào thiểu số có nhiều cải thiện đáng kể.

Mặc khác, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Tỉnh Trà Vinh vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế. Để tránh những tác động tiêu cực không đáng có, Công ty đã chủ động đưa ra những biện pháp chỉ đạo kịp thời và phương hướng hành động về hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, mở rộng mạng lưới điện ở địa phương, tăng cường đầu tư, xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng, đảm bảo cung cấp nguồn điện an toàn cho người dân, tránh tình trạng nổi đầu dây điện nguy hiểm.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động dưới hình thức CTCP, đã được đăng ký giao dịch trên thị trường và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện năng. Vì vậy, việc tuân thủ các quy định của nhiều văn bản luật khác nhau như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Môi Trường, Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và các quy định của Công ty,... là cực kỳ quan trọng để giảm thiểu rủi ro pháp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Hiện nay, việc tuân thủ pháp luật luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chủ động cập nhật và điều chỉnh liên tục theo sự bổ sung, sửa đổi của luật và tuân thủ một cách nghiêm ngặt theo quy định, nhằm thích nghi và xử lý kịp thời mọi vấn đề có liên quan đến yếu tố pháp lý, đảm bảo tính ổn định và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành điện, quá trình truyền tải và thi công có thể tạo ra khí thải và tiếng ồn lớn, có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe của cộng đồng. Do đó, Công ty luôn chú trọng vào việc xử lý chất thải đúng quy định và tập trung vào việc phân loại và xử lý rác thải để giảm thiểu tác động đến môi trường, hạn chế các vấn đề về cộng đồng, và đảm bảo an toàn cho người dân trong khu vực địa phương.



CÁC RỦI RO



RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Ngành điện là một ngành quan trọng, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, ngành điện cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân. Trong quá trình vận hành, bảo dưỡng hệ thống điện có thể dẫn đến tình trạng mất điện cục bộ, toàn bộ, thậm chí là cháy nổ thiệt hại cả về tài sản lẫn con người. Một trong những nguyên nhân gây ra các sự cố lao động thường là do lỗi từ sự thiếu cẩn trọng của người lao động.

Để giảm thiểu tình trạng này, Công ty luôn thực hiện việc quản lý một cách nghiêm ngặt, đặc biệt là trong việc sử dụng các thiết bị và lập kế hoạch cho việc xây dựng, sửa chữa cơ bản cũng như các công việc bảo dưỡng hàng năm cho hệ thống lưới điện. Bên cạnh đó, luôn nâng cao chất lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống điện bao gồm việc đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng điện, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật. Song song với việc đó, Công ty cũng tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý như hệ thống điều khiển từ xa, công nghệ đo đếm sử dụng công tơ điện tử, cũng như trang bị các phương tiện như xe nâng, xe cẩu, vận hành hệ thống điện giúp nâng cao hiệu quả quản lý giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố. Công ty luôn không ngừng kiểm tra và khắc phục các lỗi còn tồn tại để hạn chế các sự cố do sơ suất gây ra, đồng thời, đầu tư đầy đủ vào việc cung cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân và thiết bị kỹ thuật an toàn, đảm bảo rằng chúng đáp ứng đủ tiêu chuẩn để bảo vệ người lao động trong quá trình sản xuất.

RỦI RO KHÁC

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn phải chịu các tác động khác như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, những biến đổi khắc nghiệt về khí hậu,... và vì do ngành nghề kinh doanh của Công ty là một ngành đặc thù. Đó cũng là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, gây thiệt hại trực tiếp đến người và của. Vì vậy, Công ty đã lập ra các biện pháp dự phòng cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do những rủi ro này gây ra, bảo vệ con người và tài sản là ưu tiên hàng đầu của Công ty.



A photograph of a worker in a white hard hat and high-visibility vest, viewed from the side, looking at a tablet. In the background, there is a large metal power line tower against a clear blue sky. The image is framed by a dark blue diagonal border in the top-left and bottom-right corners.

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

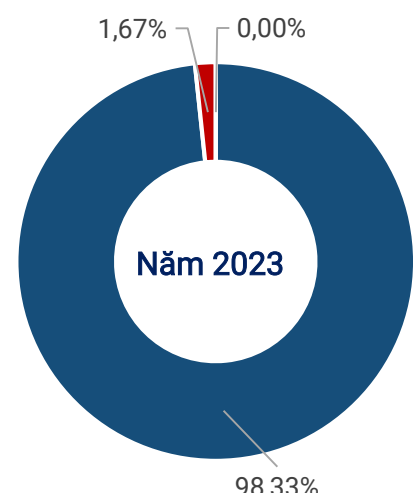
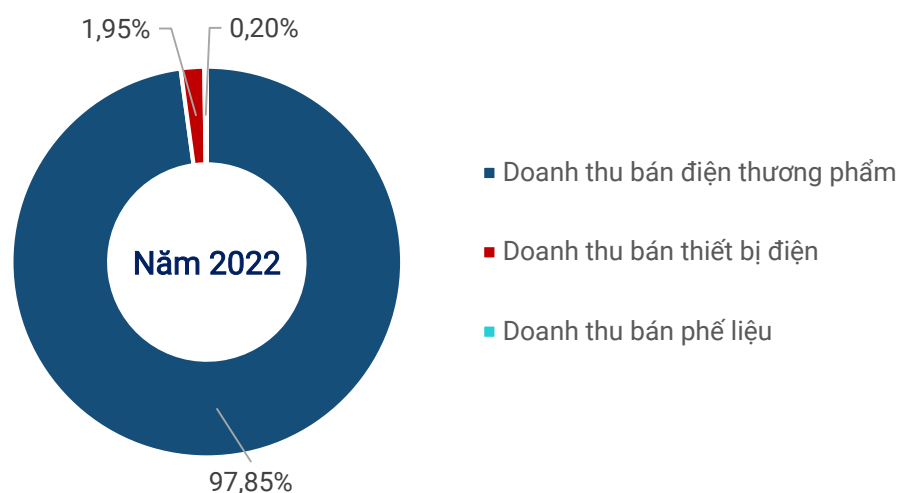
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

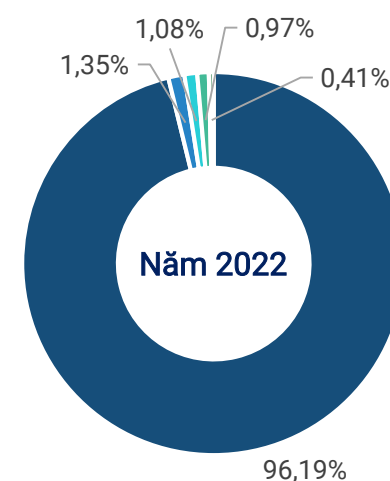
STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán điện thương phẩm	578.312	97,85%	619.789	98,33%	107,17%
2	Doanh thu bán thiết bị điện	11.511	1,95%	10.550	1,67%	91,66%
3	Doanh thu bán phế liệu	1.187	0,20%	-	-	-
Tổng cộng		591.010	100,00%	630.339	100,00%	106,65%



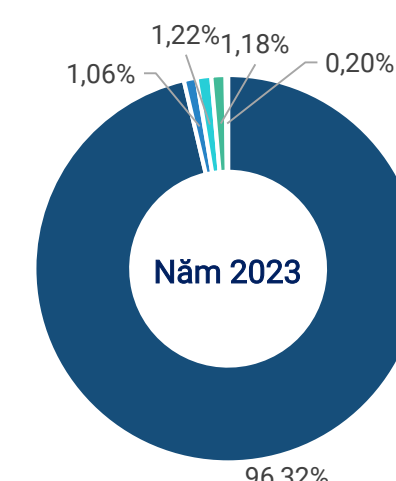
Cơ cấu giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Giá vốn của điện thương phẩm	483.941	96,19%	507.237	96,32%	104,81%
2	Giá vốn của thiết bị điện	6.806	1,35%	5.597	1,06%	82,23%
3	Chi phí khấu hao	5.428	1,08%	6.447	1,22%	118,78%
4	Chi phí phân bổ	4.888	0,97%	6.239	1,18%	127,63%
5	Khác	2.058	0,41%	1.078	0,20%	52,38%
Tổng cộng		503.121	100,00%	526.598	100,00%	104,67%



- Giá vốn của điện thương phẩm
- Giá vốn của thiết bị điện
- Chi phí khấu hao
- Chi phí phân bổ
- Khác



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	TH 2023	KH 2023	TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
Doanh thu thuần	Triệu đồng	591.010	630.339	646.754	106,65%	97,46%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.830	41.429	38.849	115,63%	106,64%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.527	32.512	31.019	113,97%	104,81%
Tỷ lệ cổ tức	%	30%	30%	20%	100,00%	150,00%
Sản lượng điện mua vào	Triệu kWh	326	332	353	101,94%	94,02%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	308	317	337	102,85%	94,07%
Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	5,38%	4,34%	4,50%	80,67%	96,44%
Phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái	MWp	0,224	0,962	1	429,46%	96,20%
Phát triển khách hàng	Hộ	3.889	3.866	4.500	99,41%	85,91%

Lợi nhuận
210.811
triệu đồng

Doanh thu thuần
4.700.210
triệu đồng

Trong năm 2023, tình hình kinh tế xã hội phục hồi phát triển, thời tiết tương đối thuận lợi, hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trở lại bình thường, từ đó hoạt động sản xuất, kinh doanh của Điện Trà Vinh được mở rộng, các công trình đường dây trung hạ thế được cải tạo và xây dựng mới, các trạm biến áp quá tải được nâng công suất hoặc xây mới, để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng về nuôi thủy sản, trồng màu và các cơ sở dịch vụ kinh doanh được tái kinh doanh, kinh tế xã hội địa phương dần dần ổn định và phát triển, nhưng cuối năm có dấu hiệu chững lại chủ yếu do nhu cầu giảm, hàng nông sản và thủy sản không có đầu ra giá cả bị sụt giảm bất thường, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh của Điện Trà Vinh linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các thách thức hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt, cụ thể doanh thu thực hiện đạt 630.339 triệu đồng, tăng trưởng 6,65% so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế đạt 41.429 triệu đồng tăng trưởng 15,63%.

Ngoài ra, để cung cấp điện an toàn và hiệu quả cho người dân sử dụng điện năm 2023, Điện Trà Vinh đã đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp sửa chữa đường dây trung hạ nhằm mục đích phát triển hệ sử dụng điện, tăng sản lượng điện, từ đó tăng trưởng doanh thu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, trong năm 2023, Công ty đã giảm mức tỷ lệ tổn thất điện năng từ 5,38% xuống còn 4,34%, càng góp phần tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí nguyên liệu và môi trường, cũng như nâng cao độ tin cậy của hệ thống điện. Việc giảm tổn thất điện năng cũng gián tiếp làm giảm khí carbon trong môi trường, góp phần làm bảo vệ môi trường và đồng hành cùng quốc gia trong việc tiến tới Net zero theo cam kết của Việt Nam tại COP26.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện tốt việc lập kế hoạch phòng ngừa rủi ro hợp lý và thực hiện tốt công tác quản lý và quản trị rủi ro của Ban lãnh đạo Công ty, nhờ đó mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đều đạt kết quả tốt. Đặc biệt là mức chi trả cổ tức 30% tăng 50% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	3.800	0,07%
2	Kiều Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.400	0,03%
3	Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng	4.300	0,08%

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

01 ÔNG LÝ NGỌC TUẤN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử (Điện năng)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1987 đến 03/1996	Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh	Bộ phận Cơ Điện của Xí nghiệp Đông 2/9
Từ 03/1996 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,07%



02 ÔNG KIỀU THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1996 đến 12/1996	CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh	Nhân viên Đội thi công - Xây lắp Điện
Từ 01/1997 đến 5/2014	CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh	Nhân viên phòng kỹ thuật
Từ 6/2015 đến 7/2023	CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh	Phó phòng kỹ thuật
Từ 8/2023 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03%

03 BÀ LÊ THỊ NGỌC HẰNG

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/1999 đến 12/2003	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Kế toán Trạm Quản lý Điện Nông thôn Cầu Ngang - Duyên Hải
Từ 01/2004 đến 12/2005	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Kế toán thanh toán
Từ 01/2006 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần sở hữu: 4.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,08%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	13/07/2023	
2	Kiều Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc		30/08/2023

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	178	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	58	32,58
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	77	43,26
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	42	23,60
4	Lao động phổ thông	1	0,56
B	Theo thời hạn HĐLĐ	178	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	17	9,55
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	161	90,45
C	Theo giới tính	178	100%
1	Nam	159	89,33
1	Nữ	19	10,67
Tổng cộng		178	100%

Mức thu nhập bình quân người lao động năm 2023: 15.907.706 đồng/người/tháng.



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Đội ngũ người lao động của Công ty đã có đóng góp rất lớn trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Do đó, Công ty đã thực hiện áp dụng các chính sách nhân sự phù hợp nhất để giúp người lao động chuyên tâm công hiến, giữ chân các nhân tài và gắn bó cùng Công ty phát triển trong tương lai.

Về đào tạo

Hằng năm, Công ty sẽ thực hiện tổ chức định kỳ các khóa tập huấn nâng cao tay nghề và chuyên môn cho công nhân cụ thể về sát hạch an toàn điện, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm củng cố và cập nhật kiến thức cho công nhân kỹ thuật một cách thường xuyên. Qua đó, đảm bảo an toàn chất lượng điện và tính chính xác của mạch đo đếm. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nhắc nhở công nhân luôn nâng cao ý thức trong việc chấp hành tổ chức kỷ luật, tuân thủ đúng quy trình sử dụng điện, sử chữa lưới điện.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chế độ lương thưởng tại Công ty được xây dựng một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng, phù hợp với từng cá nhân dựa trên trình độ, năng lực và vai trò công việc của họ. Song song với việc đó, chế độ này cam kết đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật đối với người lao động. Nhằm khích lệ sự đóng góp và cống hiến của cán bộ, nhân viên, Công ty luôn tập trung vào việc xem xét tăng lương để công nhận những thành tựu lớn trong công việc tại đơn vị. Điều này đồng thời tuân theo luật lao động và đảm bảo mọi người lao động được nghỉ các ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Cùng với việc đảm bảo các quyền lợi cơ bản, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động như tặng quà trong các dịp lễ đặc biệt như Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Phụ nữ Việt Nam... để thể hiện sự quan tâm đến tất cả nhân viên. Đặc biệt, Công ty tổ chức chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên đảm bảo việc đóng đầy đủ các loại bảo hiểm như BHXH, BHYT và BHTN cho tất cả cán bộ. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động nghỉ mát, du lịch cũng được đề cao nhằm khuyến khích, động viên nhân viên, cán bộ tăng cường hiệu suất và đóng góp tích cực hơn trong công việc tại Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đội ngũ người lao động của Công ty đã có đóng góp rất lớn trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Do đó, Công ty đã thực hiện áp dụng các chính sách nhân sự phù hợp nhất để giúp người lao động chuyên tâm công hiến, giữ chân các nhân tài và gắn bó cùng Công ty phát triển trong tương lai.

STT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Công suất TBA (kVA)	MTMN (kWp)	KĐ ĐK & TBA +ĐKĐT	Hộ phát triển mới	Tổng kinh phí (triệu đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	49	32,72	-				1.836,68
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	33	14,66	-				910,14
3	Xây dựng mới lưới trung áp và TBA	63	0,68	3.925,00				5.262,30
4	Nâng công suất TBA	18	-	800,00				1.223,83
5	Kiểm định định kỳ thiết bị TBA và thiết bị đo đếm	-	-					-
-	Trạm biến áp: 86 Trạm biến áp; 6.862,5 kVA							617,71
-	Điện kế : 18.820 ĐK 1 pha, 179 ĐK 3 pha					20.633		789,77
6	Đầu tư hệ thống đo đếm điện kế cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo						3.773	1.634,69
7	Chi phí sửa chữa thường xuyên lưới điện							2.014,73
8	Thay điện kế điện tử 15.000 hộ					6.469	93	3.928,20
9	Lắp hệ thống điện mặt trời 2023				962,44			11.463,65
10	Mua đất và xây dựng tổ điện 3 xã đảo thị trấn Long Thành huyện Duyên Hải							-
TỔNG CỘNG:		163	48,07	4.725,00	962,44	27.102	3.866	29.681,71



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	31/12/2023	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	144.697	179.636	24%
2	Doanh thu thuần	591.010	630.339	7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.860	41.545	16%
4	Lợi nhuận khác	(30)	(116)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	35.830	41.429	16%
6	Lợi nhuận sau thuế	28.527	32.512	14%



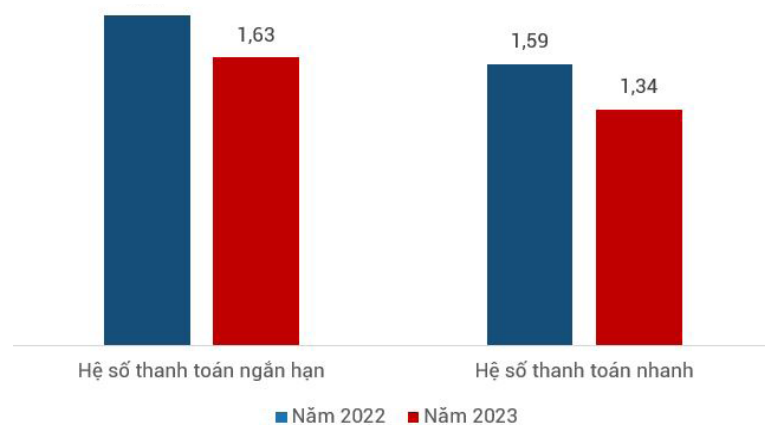
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,87	1,63
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,59	1,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,83%	35,93%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,58%	56,07%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	10,89	11,03
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	38,06	34,53
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	4,36	3,89
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,83%	5,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	26,82%	30,22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	21,06%	20,05%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,07%	6,59%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

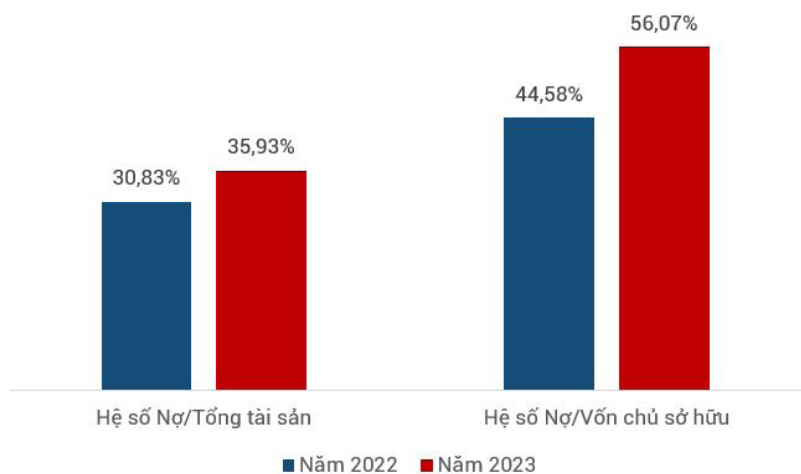
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Tính tới thời điểm 31/12/2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên, các chỉ tiêu này vẫn lớn hơn 1 cho thấy khả năng tài chính của doanh nghiệp ổn định, trong ngắn hạn doanh nghiệp có thể chi trả các khoản chi phí để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt giảm từ 1,87 lần và 1,59 lần xuống còn 1,63 và 1,34. Sự thay đổi giảm của các hệ số này do sự tăng trưởng không đồng đều của khoản mục tài

sản ngắn hạn và nợ phải trả. Nguyên nhân tăng trưởng là do hoạt động thu tiền điện theo hộ gia đình đã dẫn đến sự chênh lệch trên khi các khoản phải thu khách hàng cuối năm ghi nhận mức tăng 15,36% so với đầu năm, chiếm 59,32% tỷ trọng cơ cấu tài sản ngắn hạn. Ngoài ra, trong năm nợ ngắn hạn tăng 44,66% là nguyên nhân dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm mạnh do các khoản phải trả người bán tăng lên so với cùng kỳ.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

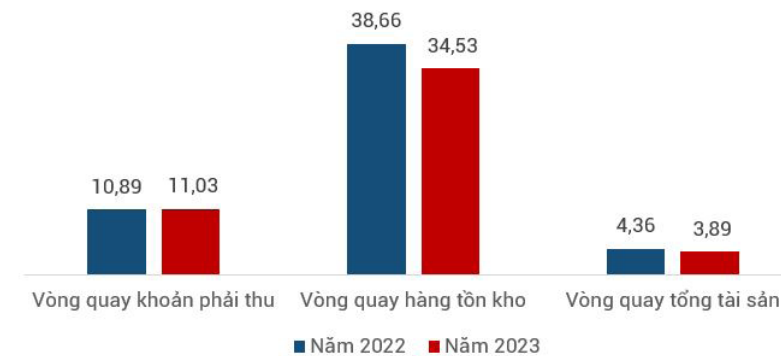


Nhìn chung, các chỉ số về nguồn vốn của Điện Trà Vinh tại thời điểm 31/12/2023 đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt tăng từ 30,83% và 44,58% xuống còn 35,93% và 56,07%. Cơ cấu tài sản của Điện Trà Vinh trong năm vừa qua đã có sự thay đổi khi nợ phải trả đã tăng 44,65%. Nguyên nhân là đến từ sự gia tăng trong khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng lên, việc này xuất phát từ chính sách thay đổi lịch ghi chỉ số điện trong ở các hộ dân trong khu vực

dẫn tới công ty chưa thanh toán các khoản nợ với nhà cung cấp.

Nhìn chung, các chỉ số về nguồn vốn của Điện Trà Vinh tại thời điểm 31/12/2023 đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt tăng từ 30,83% và 44,58% xuống còn 35,93% và 56,07%. Cơ cấu tài sản của Điện Trà Vinh trong năm vừa qua đã có sự thay đổi khi nợ phải trả đã tăng 44,65%. Nguyên nhân là đến từ sự gia tăng trong khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng lên, việc này xuất phát từ chính sách thay đổi lịch ghi chỉ số điện trong ở các hộ dân trong khu vực dẫn tới công ty chưa thanh toán các khoản nợ với nhà cung cấp.

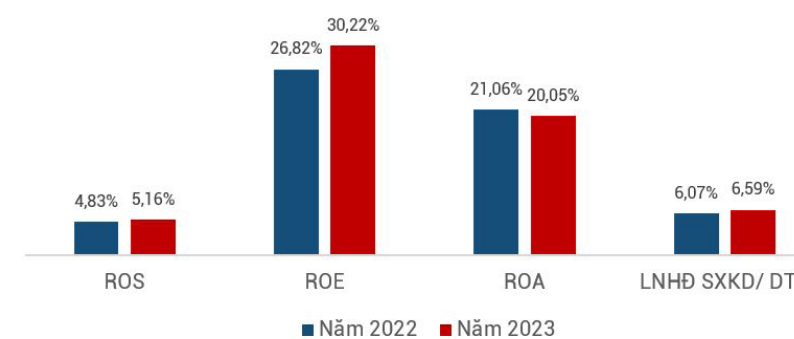
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Tuy tình hình kinh doanh gặp khá nhiều khó khăn do tình hình thời tiết bất lợi trong năm vừa qua nhưng hoạt động kinh doanh của Điện Trà Vinh vẫn được duy trì tốt. Trong đó khả năng tiêu thụ hàng tồn kho của Công ty đã gia tăng đáng kể khi chi phí giá vốn hàng bán đã được công ty kiểm soát rất tốt trong năm qua. Nhờ năng lực thích nghi tốt cùng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Điện Trà Vinh đã tối ưu hóa được chi phí sản xuất, từ đó đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra trơn tru nhờ nguồn vốn lưu động linh hoạt.

Trong khi đó vòng quay tài sản của Công ty không biến động nhiều khi tổng tài sản tăng trong năm qua chủ yếu do công ty chuyển các nguyên vật liệu qua chi phí xây dựng dở dang. Qua đó, có thể thấy Điện Trà Vinh đã có các biện pháp hiệu quả để duy trì năng lực hoạt động trước các điều kiện khó khăn của thị trường và củng cố được nền tảng kinh doanh cốt lõi hướng đến sự phát triển bền vững dài hạn của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Tại thời điểm 31/12/2023, các chỉ số về doanh thu và lợi nhuận của Điện Trà Vinh đều ghi nhận mức tăng trưởng ổn định. Trong năm 2023, Điện Trà Vinh ghi nhận tổng doanh thu đạt 630.589 triệu đồng, tăng 13,97% so với cùng kỳ. Việc tăng trưởng này nhờ vào tình hình kinh tế xã hội phục hồi phát triển, thời tiết tương đối thuận lợi, hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trở lại bình thường, kinh doanh của Điện Trà Vinh được mở rộng, các công trình đường dây trung hạ thế được cải tạo và xây dựng mới, các trạm biến áp quá tải được nâng công suất hoặc

cấy mới, để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng về nuôi thủy sản, trồng màu và các cơ sở dịch vụ kinh doanh được tái kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm Công ty tập trung đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp sửa chữa đường dây trung hạ áp nhằm mục đích phát triển hộ sử dụng điện, tăng sản lượng điện, tăng doanh thu... Cụ thể, các chỉ số quan trọng như ROS (lợi nhuận trên doanh số bán hàng), ROE (lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu), ROA (lợi nhuận trên tài sản), và tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu (LNHD SXKD/DTT) đều đã tăng lên. Trong năm 2022, các chỉ số này lần lượt là 4,83%, 26,82%, 21,06%, và 6,07%, trong khi năm 2023 đều đã tăng lên mức 5,16%, 30,22%, 20,05%, và 6,59%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	114	5.262.400	52.624.000.000	100,66%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
2	Cá nhân	111	322.600	3.226.000.000	6,17%
3	Tổ chức	3	4.939.800	49.398.000.000	94,49%
II	Cổ đông nước ngoài	2	1.600	16.000.000	0,03%
1	Cá nhân	2	1.600	16.000.000	0,03%
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ		16.000	160.000.000	0,31%
	Tổng cộng	116	5.280.000	52.280.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Công ty đang thực hiện rà soát tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định hiện hành.

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	3.489.272	66,29%
CTCP Tập đoàn đầu tư IPA	1.075.258	20,42%
CTCP Galax	375.270	7,11%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Từ lúc thành lập đến nay, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

⚡ BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

- » Thực hiện các biện pháp kiểm soát hiệu quả nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, dịch vụ của Công ty;
- » Công ty chúng tôi cam kết thiết lập và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về môi trường theo yêu cầu pháp luật;
- » Thiết lập, xem xét định kỳ và cung cấp đầy đủ nguồn lực, phương tiện kiểm soát nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường và kiểm soát năng lượng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty nhận thức được rằng để phát triển bền vững, Công ty không những chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phải bảo vệ môi trường tự nhiên. Do đó, Công ty luôn chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong những năm qua, Công ty không vi phạm quy định về môi trường. DTV cam kết trong suốt quá trình đầu tư và xây dựng, sản xuất và kinh doanh sẽ giảm thiểu tác hại đến môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định liên quan.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty nhận thức được rằng để phát triển bền vững, Công ty không những chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phải bảo vệ môi trường tự nhiên. Do đó, Công ty luôn chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong những năm qua, Công ty không vi phạm quy định về môi trường. DTV cam kết trong suốt quá trình đầu tư và xây dựng, sản xuất và kinh doanh sẽ giảm thiểu tác hại đến môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định liên quan.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường. Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy tắc hành xử và luật định môi trường liên quan đến trồng rừng, đồng thời đặt sự ưu tiên vào việc bảo vệ vệ sinh môi trường và tiết kiệm năng lượng cũng như tài nguyên thiên nhiên. Chúng tôi hướng tới việc xây dựng hình ảnh thân thiện với môi trường và tiến hành các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo và truyền thông nội bộ.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG

Công ty nhận thức được rằng để phát triển bền vững, Công ty không những chỉ tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phải bảo vệ môi trường tự nhiên. Do đó, Công ty luôn chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong những năm qua, Công ty không vi phạm quy định về môi trường. DTV cam kết trong suốt quá trình đầu tư và xây dựng, sản xuất và kinh doanh sẽ giảm thiểu tác hại đến môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định liên quan.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện nay, Công ty chưa có hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Để phục vụ quá trình hoạt động sản xuất và phân phối điện của Công ty, năng lượng luôn là yếu tố quan trọng. Do đó, vấn đề đảm bảo tiêu thụ năng lượng luôn là yếu tố đặt lên hàng đầu. Ngoài điện năng, Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu khác như xăng, dầu, nhớt để vận hành các phương tiện, máy móc phục vụ cho việc lắp đặt công trình điện. Chính vì vậy, Công ty luôn nhận thức và thực hiện chủ trương sử dụng tiết kiệm nhưng hiệu quả tài nguyên quốc gia nhằm giảm thiểu chi phí, góp phần vào cả Công ty lẫn xã hội.

TIÊU THỤ NƯỚC

Để bảo vệ môi trường, các trạm điện của Công ty đều được trang bị đầy đủ hệ thống thoát nước và khí thải. Bên cạnh đó, các thông số được theo dõi và giám sát một cách sát sao, rõ ràng, minh bạch, đầy đủ và kịp thời. Không những thế, do tình trạng xâm nhập mặn ở địa phận Trà Vinh ngày càng trở nên nặng nề ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước sinh hoạt chung của cộng đồng. Chính vì thế, Công ty luôn thực hiện công tác tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn nước sinh hoạt, tránh lãng phí nguồn tài nguyên nước.



03 **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Trong năm 2023, mặc dù diễn biến kinh tế Việt Nam nói chung, hoạt động sản xuất và phân phối điện năng nói riêng đối mặt với nhiều thách thức nhưng nhờ sự quyết tâm và triển khai các giải pháp có hiệu quả, DTV đã đạt được kết quả khả quan. Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện cả công trình đường dây điện trung và hạ thế cũng như xây dựng mới, nâng cấp các trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng, đặc biệt trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, trồng hoa màu và dịch vụ kinh doanh.

Thuận lợi

- » Lượng tiêu thụ điện năng tại nông thôn đã tăng đáng kể do các doanh nghiệp hoạt động thường xuyên, làm tăng nhu cầu tiêu thụ điện. Sản lượng điện bán ra của Công ty tăng 2,85% so với năm 2022, góp phần vào tăng trưởng hoạt động kinh doanh.
- » Công tác sản xuất kinh doanh được thực hiện hiệu quả và an toàn, không có sự cố phát sinh ảnh hưởng đến con người và tài sản của Công ty.
- » Công ty nhận được sự quan tâm và hỗ trợ từ các cấp chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho việc đầu tư mở rộng lưới điện.

Khó khăn

- » Biến động giá cả vật tư thiết bị, nhiên liệu tăng cao đã làm tăng chi phí vận chuyển, cản trở tiến độ triển khai các công trình/dự án điện.
- » Chi phí vốn mua điện thương phẩm đầu vào tăng lên đáng kể, gây khó khăn trong việc thanh toán chi phí mua điện.
- » Tình hình lạm phát và tăng lãi suất ngân hàng gây khó khăn trong việc huy động vốn để đầu tư các dự án điện, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2023, DTV đã ghi nhận mức doanh thu vượt qua 630.339 triệu đồng và lợi nhuận trước thuế hơn 41.429 triệu đồng, tăng lần lượt hơn 6,65% và 15,63% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đã thực hiện 97,46% chỉ tiêu doanh thu và vượt gần 6,64% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế được giao từ cổ đông. Đồng thời, DTV cũng đã tăng cường chất lượng dịch vụ để đáp ứng mọi nhu cầu về sử dụng điện sinh hoạt và sản xuất của khách hàng. Điều này đảm bảo sự an toàn, đáng tin cậy và hỗ trợ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như cuộc sống hàng ngày của cư dân địa phương.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện công tác đầu tư xây dựng với việc đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả của các dự án. Hệ thống lưới điện đã được nâng cấp và mở rộng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều được duy trì, phát triển bền vững là minh chứng cho sự ổn định và hiệu suất của Công ty. Hoạt động xã hội và các hoạt động hướng tới cộng đồng luôn được chú trọng và triển khai thông qua nhiều hoạt động ý nghĩa.

Thêm vào đó, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, cuộc sống của người lao động được duy trì ổn định và có dấu hiệu tăng lên theo tốc độ phát triển của Công ty. Điều này phản ánh cam kết của DTV trong việc đảm bảo môi trường làm việc tích cực và thuận lợi góp phần tạo đà cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

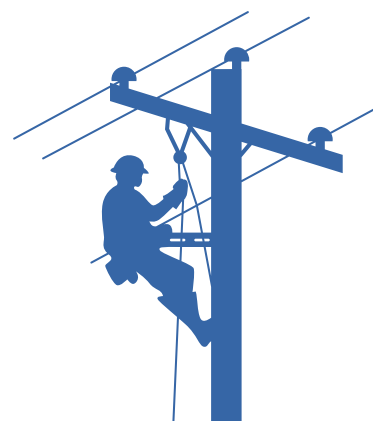
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023		31/12/2023		TH 2023/ TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	83.355	57,61%	100.578	55,99%	120,66%
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.465	8,61%	20.542	11,44%	164,80%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.621	3,19%	142	0,08%	3,08%
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.174	36,75%	61.121	34,02%	114,95%
Hàng tồn kho	12.346	8,53%	18.155	10,11%	147,05%
Tài sản ngắn hạn khác	750	0,52%	618	0,34%	82,39%
Tài sản dài hạn	61.342	42,39%	79.058	44,01%	128,88%
Tài sản cố định	39.573	27,35%	53.769	29,93%	135,87%
Tài sản dở dang dài hạn	1.390	0,96%	243	0,14%	17,45%
Tài sản dài hạn khác	20.378	14,08%	25.047	13,94%	122,91%
Tổng tài sản	144.697	100,00%	179.636	100,00%	124,15%

Tổng tài sản vào cuối năm 2023 của Công ty đạt 179.636 triệu đồng, tăng 24,15% so với đầu năm. Tình hình tổng tài sản đã không có nhiều sự chuyển dịch về mặt cơ cấu tỷ lệ. Cụ thể, yếu tố tài sản ngắn hạn tăng từ 83.355 triệu đồng lên 100.578 tỷ đồng, tăng 20,66% so với cùng kỳ trong năm 2022. Nguyên nhân của sự tăng trưởng đến từ Khoản tiền Công ty gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng với lãi suất 5,3%. Ngoài ra, các khoản phải thu khách hàng cũng góp phần vào làm cho tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên. Với đặc thù là doanh nghiệp bán lẻ điện nên việc thu phí các khách hàng dựa vào lịch ghi chỉ số điện và kỳ thanh toán do Tổng Công ty Điện miền Nam quy định.

Ngoài ra, chỉ tiêu tài sản dài hạn trong kỳ tăng từ 61.342 triệu đồng lên 79.058 triệu đồng, tăng 28,88% so với cùng kỳ trong năm 2022. Nguyên nhân chính là do tài sản cố định hữu hình tăng, do trong năm Công ty đã hạch toán các nguyên vật liệu là các phương tiện truyền dẫn từ chi phí xây dựng dở dang sang tài sản cố định.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023		31/12/2023		TH 2023/ TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	44.615	100,00%	61.665	95,55%	138,21%
Phải trả người bán ngắn hạn	46	0,10%	14.392	22,30%	31513,96%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.631	5,90%	1.737	2,69%	66,03%
Phải trả người lao động	10.584	23,72%	17.806	27,59%	168,23%
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.833	66,87%	25.817	40,01%	86,54%
Phải trả ngắn hạn khác	876	1,96%	848	1,31%	96,74%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	645	1,45%	1.065	1,65%	165,11%
Nợ dài hạn	-	-	2.869	4,45%	-
Tổng nợ phải trả	44.615	100,00%	64.534	100,00%	144,65%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Điện Trà Vinh, nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Công ty là doanh nghiệp đặc thù ngành nghề bán lẻ điện nên việc thu phí của khách hàng cũng như quyết toán cho nhà cung cấp dựa vào lịch ghi số điện và lịch thanh toán đã ban hành của Tổng Công ty điện Miền Nam. Vì vậy, các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 46 triệu đồng lên 14.392 triệu đồng. Ngoài ra, các khoản phải trả người lao động tăng cũng là nguyên nhân làm cho chỉ tiêu nợ ngắn hạn tăng.

Trong năm 2023, công ty có phát sinh nợ dài hạn do Công ty Dự phòng khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức do nhận thấy được sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện bổ sung và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa trên khả năng phục hồi của nền kinh tế - xã hội trong thời gian tới, Công ty thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2023	KH năm 2024	KH 2024/ TH 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	630,3	701	111,22
2	Sản lượng điện mua vào	Triệu kWh	332	356	107,23
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	317,6	340,8	107,30
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41,4	45,6	110,14
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,5	36,5	112,31
6	Tỷ lệ cổ tức	%	30	20	66,67
7	Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	4,34	4,3	99,08
8	Phát triển khách hàng	Hộ	3.866	3.000	77,60
9	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	Tỷ đồng	29,7	42	141,41



Kế hoạch đầu tư

STT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Công suất TBA (kVA)	Điện mặt trời (kWp)	KĐ TBA & TBĐĐ, ĐKĐT	Hộ phát triển mới	Tổng kinh phí (triệu đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	84	56,94					3.351,81
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	12	5,871					492,00
3	Xây dựng mới lưới trung áp và TBA	51	0,662	2.212,5				2.904,00
4	Nâng công suất + di dời trạm biến áp	25		2.275,00				2.098,00
5	Kiểm định kỳ thiết bị TBA và thiết bị đo đếm							
	- Trạm biến áp: 129							
	Trạm biến áp: 10.176 kVA (112 TBA 1P; 17 TBA 3P)					129		660,62
	- Điện kế : 19.200 ĐK 1 pha, 69 ĐK 3 pha					19.269		737,19
6	Đầu tư hệ thống đo đếm và thiết bị, phụ kiện kèm theo						3.000	3.074,86
7	Chi phí sửa chữa thường xuyên lưới điện							815,49
8	Di dời điện kế ra trụ, lắp hộp phân phối							3.392,10
9	Thay điện kế điện tử (13.135 hộ)+ 3841 hộ 2023 MS					16.976		11.441,00
10	Lắp hệ thống điện NLMT (1MWp)				1.000			11.500,00
11	Mua đất XD trụ sở Tổ điện 3 xã đảo TT Long Thành, huyện Duyên Hải							2.000,00
TỔNG CỘNG:		172	63,47	4.487,50	1.000	36.374	3.000	42.467,07



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty tiếp tục ký hợp đồng kiểm toán với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (EY), đồng ý giao EY đảm nhận công tác soát xét báo cáo tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 đảm bảo minh bạch trong hoạt động của Công ty. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với công tác soát xét báo cáo của Công ty, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sản xuất kinh doanh vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh chương trình sản xuất kinh doanh gắn liền với giám sát và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu môi trường trong suốt quá trình hoạt động, thu gom, vận chuyển, xử lý các chất khí thải. Để góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, Công ty luôn đảm bảo cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để tạo môi trường làm việc an toàn, hiệu quả, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, Công ty luôn nỗ lực xây dựng tinh thần đoàn kết, đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo quản lý và nhân viên. Công ty luôn đảm bảo xây dựng, thực hiện các chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ công bằng, minh bạch.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ cung cấp điện sinh hoạt phục vụ cho dân cư trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh mà còn chú tâm đến các công tác liên quan đến cộng đồng, xã hội. Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua đã mang lại nhiều tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn nuôi trồng thủy sản và dịch vụ công nghiệp giúp đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. DTV tập trung đầu tư xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng điện, cải tạo nâng cấp các đường dây trung, hạ áp hiện hữu và các tuyến đường giao thông hương lộ, tỉnh lộ và cụm dân cư giúp người nông dân phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống. Thêm vào đó, nhằm nâng cao vị thế của DTV trong ngành sản xuất và phân phối điện tại địa bàn Tỉnh Trà Vinh, Công ty đã triển khai tốt các chương trình an sinh xã hội kết hợp với địa phương, tích cực tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội và cộng đồng.





04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



⚡ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Ngành sản xuất và phân phối điện trong năm 2023 tăng trưởng nhanh chóng một phần do nhu cầu sử dụng điện trong cộng đồng tăng cao. Công ty đã không ngừng cải thiện và xây dựng các chính sách đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình làm việc. Song song với việc đó, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các an toàn, sửa chữa và sử dụng điện. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ tốt các quy định về môi trường, đảm bảo thu gom đầy đủ các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động trực tiếp giảm thiểu các tác động tiêu cực tới đời sống sinh hoạt của cộng đồng địa phương.

⚡ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty được diễn ra hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra đều được thông qua các cuộc họp định kỳ được tổ chức trong năm, xem xét cẩn trọng và đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng Giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của các bên liên quan.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động, thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời để đảm bảo đạt được mục tiêu và hiệu quả cao nhất. Không những thế, Ban Tổng Giám đốc cũng đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, tiết kiệm chi phí, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt.

⚡ CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo để đạt các mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thực hiện theo đúng tiến độ và nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh. Cùng với việc chỉ đạo phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- » Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 32.512.072.985 đồng
- » Chi trả cổ tức cho cổ đông (30%/năm): 15.792.000.000 đồng
- » Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.700.000.000 đồng
- » Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023: 15.020.072.985 đồng

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh không chỉ trong năm 2024 mà còn trong các giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đề xuất những giải pháp tích cực. Điều này bao gồm kế hoạch đầu tư có chiến lược, công việc cải tạo các cơ sở hạ tầng kịp thời và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng điện năng để giảm thiểu tỷ lệ tổn thất do đây là yếu tố quan trọng góp phần trực tiếp vào lợi nhuận của Công ty.



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	59.900	1,13%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	3.800	0,07%
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	-	-
4	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	1.800	0,03%
5	Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	-

GIỚI THIỆU HĐQT

01 BÀ LÊ THỊ KHÊ Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1967

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1995 đến 01/1999	Chương trình nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Trà Vinh	Kế toán tổng hợp
Từ 01/1999 đến nay	CTCP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh (Nay là CTCP Phát triển Điện Trà Vinh)	Kế toán tổng hợp/ Kế toán trưởng/ Phó Giám Đốc/ Tổng Giám Đốc/ Chủ Tịch HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu: 59.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,13%



03 ÔNG NGUYỄN PHONG DANH Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1995

Trình độ văn hoá: 12/12

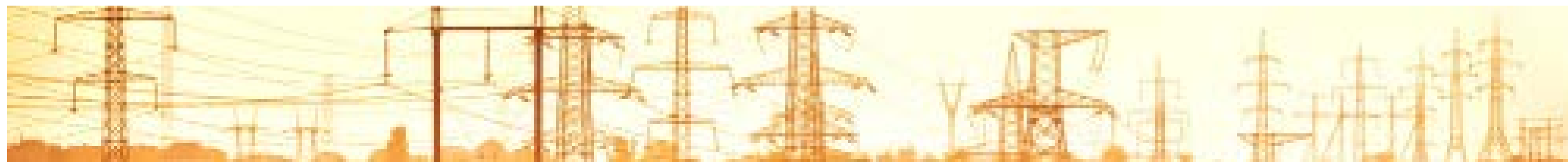
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2017 đến 06/2019	CTCP Chứng khoán KIS	Chuyên viên Phân tích đầu tư
Từ 07/2019 đến nay	CTCP Cơ Điện Lạnh	Chuyên viên Phân tích đầu tư
Từ 09/2019 đến nay	Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí 1-3 Trà Vinh	Ban quản lý dự án

Số lượng cổ phần sở hữu: Không có



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU HĐQT

04

BÀ LƯƠNG THU HẰNG

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1971

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí Ngành in

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1996 đến 1999	Công ty Vận tải và Cung ứng xăng dầu đường biển - CN TP. HCM	Kế toán tổng hợp
Từ 2000 đến 7/2007	Công ty TNHH DV TM Hải Chính	Kế toán trưởng
Từ 8/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect - CN TP. HCM	Kế toán kiểm soát
Từ 06/2013 đến nay	Công ty Cổ phần cơ khí ngành in	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần sở hữu: 1.800 cổ phần, chiếm tỷ 0,03%

05

ÔNG NGUYỄN TRƯƠNG TIẾN ĐẠT

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1992

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Kế toán ứng dụng, Chứng chỉ hành nghề Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên phân tích đầu tư CTCP Cơ Điện Lạnh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/2015-03/2016	CTCP Cơ Điện Lạnh	Nhân viên kế toán phân tích
Từ 06/2016-03/2017	Ngân hàng Shinhan Việt Nam	Chuyên viên thanh toán quốc tế
Từ 09/2017 đến nay	CTCP Cơ Điện Lạnh	Chuyên viên phân tích đầu tư

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023 Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ, đôn đốc và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Điều lệ, quy định, Quy chế nội bộ của Công ty. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc như sau: Tuân thủ đúng theo Điều lệ, quy định, Quy chế nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; Triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; Công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định.

HĐQT đã thông qua các báo cáo đề xuất của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành tại 4 phiên họp theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết, 9 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	4/4	100%
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	4/4	100%
5	Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	4/4	100%



Nghị quyết HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	27/01/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền
2	Số 02/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết phiên họp thứ I của Hội đồng Quản trị <ul style="list-style-type: none"> • Phê chuẩn tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; • Phê chuẩn Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023. • Phê chuẩn kế hoạch mua sắm vật tư năm 2023. • Phê chuẩn các nội dung khác thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị.
3	Số 04/NQ-HĐQT	29/03/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật năm 2023 hình thức “Chào giá cạnh tranh rút gọn” của Công ty Cổ phần phát triển Điện Trà Vinh.
4	Số 05/NQ-HĐQT	14/04/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn kế hoạch vệ sinh an toàn lao động năm 2023
5	Số 06/NQ-HĐQT	18/04/2023	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền
6	Số 07/NQ-HĐQT	27/04/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn kết quả xét hồ sơ chào giá cạnh tranh mua sắm vật tư thiết bị của Công ty Cổ phần phát triển Điện Trà Vinh.
7	Số 08/NQ-HĐQT	18/06/2023	Nghị quyết về việc thành lập Tổ điện Hòa Minh trực thuộc Công ty Cổ Phần Phát triển điện Trà Vinh.
8	Số 09/NQ-HĐQT	20/06/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn giá gói thầu DTV23-01 Cung cấp máy biến áp 1 pha các loại”
9	Số 10/NQ-HĐQT	22/06/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn chi phí xăng, đi lại cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc DTV”
10	Số 11/NQ-HĐQT	12/07/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn chấp thuận đơn xin nghỉ việc của Bà Trương Thị Thùy Linh - Phó Tổng Giám Đốc DTV.
11	Số 12/NQ-HĐQT	08/08/2023	Nghị quyết Hội đồng Quản trị <ul style="list-style-type: none"> • Phê chuẩn Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 • Phê chuẩn thông qua nội dung Báo cáo kết quả chọn nhà thầu năm 2023 • Phê chuẩn thông qua nội dung Báo cáo kết quả thực hiện các gói thầu 6 tháng đầu năm 2023 của DTV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	Số 13/NQ-HĐQT	30/08/2023	Nghị quyết về việc phê chuẩn chức danh Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh đối với Ông Kiều Thanh Hải – P.Tổng Giám Đốc DTV
13	Số 14/NQ-HĐQT	23/10/2023	Nghị quyết Hội đồng thứ III của HĐQT <ul style="list-style-type: none"> Phê chuẩn Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý III, 09 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch Quý IV năm 2023 Phê chuẩn thông qua nội dung Báo cáo về việc thực hiện dời ngày ghi điện vào cuối tháng theo công văn số 4236/PCTV-KD ngày 28/08/2023 Phê chuẩn thông qua nội dung Báo cáo công tác đấu thầu Quý III và 09 tháng đầu năm 2023 của DTV
14	Số 15/NQ-HĐQT	18/12/2023	Nghị quyết Hội đồng thứ IV của HĐQT <ul style="list-style-type: none"> Phê chuẩn thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch tháng 12 năm 2023 Phê chuẩn thông qua nội dung các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2024 Phê chuẩn thông qua nội dung Tờ trình về việc bổ nhiệm Đội phó đội thi công – Xây lắp điện đối với ông Trần Thiên Lộc



STT	Số Quyết quyết	Ngày	Nội dung
15	Số 01/QĐ-HĐQT	27/02/2023	Quyết định về việc điều động cán bộ quản lý đối với ông Nguyễn Văn LeL
16	Số 02/QĐ/HĐQT	28/03/2023	Quyết định về việc Ban hành hệ thống Thang bảng lương, Quy chế trả lương và Khen thưởng bằng tiền
17	Số 03/QĐ/HĐQT	29/05/2023	Quyết định về việc thay đổi tên địa điểm đăng ký kinh doanh
18	Số 04/QĐ/HĐQT	30/05/2023	Quyết định Về việc thành lập Tổ điện Hòa Minh
19	Số 05/QĐ/HĐQT	31/05/2023	Quyết định về việc điều động cán bộ quản lý đối với ông Trương Minh Triệu
20	Số 06/QĐ/HĐQT	12/07/2023	Quyết định về việc phê chuẩn Bà Trương Thị Thùy Linh xin nghỉ việc theo đơn kể từ ngày 13/07/2023
21	Số 07/QĐ/HĐQT	24/08/2023	Quyết định về việc Ban hành Quy chế Tài chính và Chi tiêu nội bộ
22	Số 08/QĐ/HĐQT	24/08/2023	Quyết định về việc Ban hành thang bảng lương , Quy chế trả lương và khen thưởng bằng tiền
23	Số 09/QĐ/HĐQT	30/08/2023	Quyết định về việc Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh đối với ông Kiều Thanh Hải

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY Không có



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	-	-
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên BKS	-	-

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

01 ÔNG QUÁCH VĨNH BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1972

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Phong điện Thuận Bình
- Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
- Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
- Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng - Indico
- Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1994 đến 2000	Công ty Kiểm toán Quốc tế Ernst & Young	Kiểm toán viên chính bậc III
Từ 2000 đến 2003	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh REE	Kế toán trưởng
Từ 2003 đến 2005	Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh REE	Phó Giám đốc
Từ 2005 đến 2007	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Giám đốc điều hành
Từ 2007 đến 2017	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Phó Giám đốc
Từ 02/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)	Trưởng Ban kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro

Số lượng cổ phần sở hữu: không có



02 BÀ NGUYỄN HỒNG HUỆ

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1980

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán tổng hợp CTCP năng lượng Bắc Hà

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2005	Công ty Cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế HB	Kế toán tổng hợp
Từ 2006 đến 2007	Công ty TNHH Nhôm Đô Thành	Kế toán nguồn vốn
Từ 2007 đến 2009	Công ty Cổ phần kỹ thuật và thương mại Ngọc Linh	Kế toán trưởng
Từ 2010 đến nay	Công ty Cổ phần năng lượng Bắc Hà	Kế toán tổng hợp

Số lượng cổ phần sở hữu: không có

THAY ĐỔI NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Không có



BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách toàn diện, thường xuyên kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát luôn tuân thủ đúng các quy định pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và thời kỳ. Ban Kiểm soát theo dõi cẩn thận việc thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị từ việc triển khai đến việc thực hiện nhằm đảm bảo sự hiệu quả và công bằng trong hoạt động của công ty.

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ cơ bản, Ban Kiểm soát cũng đề xuất các biện pháp cải thiện, góp phần tăng cường sức mạnh quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty. Việc duy trì sự khách quan, công bằng và chính xác trong quá trình giám sát cùng với việc đóng góp ý kiến xây dựng sẽ là những yếu tố quan trọng giúp nâng cao tầm nhìn và hoạt động của Công ty trong tương lai.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã hợp tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao đồng thời thực hiện công việc kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty cũng như các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Sự hợp tác chặt chẽ này giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và sự hỗ trợ của các cán bộ quản lý khi có yêu cầu.

Bên cạnh việc này, Ban Kiểm soát cũng đã tổ chức các cuộc họp với Ban lãnh đạo Công ty và các Trưởng, Phó các đơn vị liên quan nhằm đồng thuận nội dung kiểm tra, giám sát cũng như việc lập biên bản làm việc. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện việc lập báo cáo về quá trình kiểm tra, giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chia sẻ thông tin này đến cổ đông thông qua trang web, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như thông qua việc gửi thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Điều này nhằm đảm bảo sự minh bạch, thông tin chính xác và sự tham gia tích cực của các bên liên quan vào quá trình quản trị và giám sát hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên BKS	2/2	100%

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026, trong năm 2023 đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của pháp luật.

Hoạt động của Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, sẽ tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2024, Ban Kiểm soát kiến nghị với Ban điều hành Công ty cần quan tâm:

» Đề đạt được và duy trì mức tổn thất điện năng bình quân 4,3%, Công ty cần có giải pháp tích cực thực hiện đúng, đầy đủ kế hoạch đầu tư, cải tạo các công trình xuống cấp kịp thời. Việc kiểm soát và giảm tỷ lệ tổn thất điện năng là một trong những chỉ tiêu quan trọng mà Ban Tổng giám đốc cần tập trung giải quyết vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

» Trong năm 2022 và 2023, Công ty đã triển khai thí điểm việc thay thế/lắp mới công tơ đo đếm điện năng bằng công tơ điện từ, kết quả bước đầu đã mang lại lợi ích tích cực trong việc giảm tỷ lệ sai lệch và chi phí nhân công.

» Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, Công ty cần có kế hoạch đề từng bước chuyển đổi sử dụng hoàn toàn công tơ điện từ và sắp xếp bố trí nhân sự hợp lý từ việc tiết giảm nhân công ghi chi số điện năng.



BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng

		Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng Quản trị		322.800.000	309.000.000
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	102.000.000	102.000.000
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành Viên	55.200.000	41.400.000
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc		2.995.640.600	2.726.060.460
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	1.305.000.000	1.161.406.119
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.133.000.000	1.017.569.520
Bà Trương Thị Thùy Linh (miễn nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	358.324.600	547.084.821
Ông Kiều Thanh Hải (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	199.316.000	-
TỔNG CỘNG		3.318.440.600	3.035.060.460
Thù lao của Ban Kiểm soát		127.200.000	127.200.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các Sở, Ban ngành tỉnh Trà Vinh.





06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính

Số tham chiếu: 12824894/66924576

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính trình bày việc Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng để đảm bảo tính so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi lịch ghi chỉ số điện về ngày cuối tháng theo Công văn số 4236/PCTV-KD ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Công ty Điện Lực Trà Vinh - nhà cung cấp nguồn điện thương phẩm duy nhất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đỗ Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5041-2024-304-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100.577.677.147	83.354.920.150
110	I. Tiền	4	20.542.354.544	12.464.840.500
111	1. Tiền		20.542.354.544	12.464.840.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		142.136.883	4.620.886.056
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	142.074.399	4.620.823.572
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.120.858.773	53.173.580.581
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	59.663.135.202	51.719.128.279
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	2.898.990
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.515.027.939	1.513.349.090
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(61.795.778)	(61.795.778)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.501.410	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	18.154.791.437	12.346.013.620
141	1. Hàng tồn kho		18.547.065.726	12.734.077.747
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(392.364.289)	(388.064.127)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		617.615.510	749.599.393
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	617.615.510	749.599.393
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.058.229.682	61.341.974.761
220	I. Tài sản cố định		53.768.613.487	39.573.252.835
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	53.768.613.487	39.573.252.835
222	Nguyên giá		138.644.234.542	117.533.012.800
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.875.551.055)	(77.959.759.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		242.531.029	1.390.257.600
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	242.531.029	1.390.257.600
260	III. Tài sản dài hạn khác		25.047.085.166	20.378.464.326
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.320.988.396	14.423.371.456
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	5.726.096.770	5.955.092.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.635.906.829	144.696.894.911

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		64.534.338.718	44.615.399.785
310	I. Nợ ngắn hạn		61.665.137.329	44.615.399.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	14.391.955.017	45.668.500
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.737.106.116	2.630.864.364
314	3. Phải trả người lao động		17.805.516.754	10.583.780.589
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	25.817.402.462	29.833.464.350
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	847.706.923	876.310.925
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.065.450.057	645.311.057
330	II. Nợ dài hạn		2.869.201.389	-
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	16	2.869.201.389	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		115.101.568.111	100.081.495.126
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	115.101.568.111	100.081.495.126
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.800.000.000	52.800.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.582.245.719	28.562.172.734
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.070.172.734	35.024.093
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		32.512.072.985	28.527.148.641
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.635.906.829	144.696.894.911






Vương Quý Khen
Người lập

Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng

Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	18	630.339.472.300	591.010.232.169
11	2. Giá vốn hàng bán	19	(526.597.797.506)	(503.121.154.132)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		103.741.674.794	87.889.078.037
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	249.378.617	346.749.021
25	5. Chi phí bán hàng	20	(46.794.701.305)	(41.957.257.183)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.651.155.643)	(10.418.751.437)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.545.196.463	35.859.818.438
32	8. Chi phí khác		(115.890.285)	(30.000.000)
40	9. Lỗ khác		(115.890.285)	(30.000.000)
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế		41.429.306.178	35.829.818.438
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(8.688.237.093)	(7.302.669.797)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(228.996.100)	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.512.072.985	28.527.148.641
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.5	6.176	5.096
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.5	6.176	5.096


Vương Quý Khen
Người lập


Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng




Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		41.429.306.178	35.829.818.438
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	11	6.915.831.090	5.874.940.558
03	Các khoản dự phòng		4.300.162	7.243.449
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(249.378.617)	(346.749.021)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.100.058.813	41.365.253.424
	<i>(Tăng) giảm các khoản phải thu</i>		<i>(8.010.049.294)</i>	<i>2.144.830.642</i>
09	Tăng hàng tồn kho		(21.823.737.105)	(7.019.559.595)
10	Tăng các khoản phải trả		16.288.397.635	425.829.045
11	Tăng chi phí trả trước		(5.238.259.396)	(7.522.795.121)
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(8.257.759.057)	(6.703.748.881)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.279.851.000)	(1.165.467.670)
17				
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.778.760.596	21.524.341.844
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định		(697.236.454)	(4.748.547.283)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(142.074.399)	(8.987.823.572)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.620.823.572	8.737.418.464
27	Thu lãi tiền gửi		309.240.729	320.806.659
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		4.090.753.448	(4.678.145.732)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả	17.3	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.792.000.000)	(15.792.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.077.514.044	1.054.196.112
60	Tiền đầu năm		12.464.840.500	11.410.644.388
70	Tiền cuối năm	4	20.542.354.544	12.464.840.500

VND





Vương Quý Khen
Người lập

Lê Thị Ngọc Hàng
Kế toán trưởng

Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Số 68, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 178 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 185).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau :

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 15 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.
- ▶ Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng;
- ▶ Phí kiểm định công tơ, máy biến áp; và
- ▶ Đường dây hạ thế.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư

Chúng khoán kinh doanh

Chúng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty được trích theo mức bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu về các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	44.309.701	26.419.636
Tiền gửi ngân hàng	20.497.744.843	12.438.420.864
TỔNG CỘNG	20.542.354.544	12.464.840.500

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	62.484	135.500	-	62.484	136.250	-

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

Chi tiết khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn như sau:

Tiền gửi ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Trà Vinh	142.074.399	Ngày 12 tháng 10 năm 2024	5,3

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	59.663.135.202	51.719.128.279
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(61.795.778)	(61.795.778)
GIÁ TRỊ THUẬN	59.601.339.424	51.657.332.501

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho mua đất	1.012.000.000	1.012.000.000
Lãi tiền gửi	1.650.398	61.512.510
Khác	501.377.541	439.836.580
TỔNG CỘNG	1.515.027.939	1.513.349.090

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	18.384.942.719	12.421.068.660
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.322.692	223.938.565
Khác	134.800.315	89.070.522
TỔNG CỘNG	18.547.065.726	12.734.077.747
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(392.364.289)	(388.064.127)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.154.701.437	12.346.013.620

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	388.064.127	380.820.678
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.300.162	7.243.449
Số cuối năm	392.364.289	388.064.127

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	617.615.510	749.599.393
Công cụ, dụng cụ	411.165.145	356.595.025
Đường dây hạ thế	8.826.358	293.073.227
Khác	197.624.007	99.931.141
Dài hạn	19.320.988.396	14.423.371.456
Điện kế	8.607.153.730	7.771.797.457
Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng	6.133.990.759	2.861.820.039
Phí kiểm định công tơ, máy biến áp	2.649.604.257	2.369.266.239
Đường dây hạ thế	1.080.052.224	487.000.241
Tiền thuê đất trả trước	728.769.232	748.331.944
Khác	121.418.194	185.155.536
TỔNG CỘNG	19.938.603.906	15.172.970.849

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	1.306.629.590
Khác	242.531.029	83.628.010
TỔNG CỘNG	242.531.029	1.390.257.600

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	5.282.462.187	62.913.953	112.005.827.130	181.809.530	117.533.012.800
Mua mới	-	-	-	36.170.909	36.170.909
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	327.433.333	-	20.747.587.500	-	21.075.020.833
Số cuối năm	5.609.895.520	62.913.953	132.753.414.630	217.980.439	138.644.204.542
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.472.394.379	62.913.953	53.477.866.616	181.809.530	55.194.984.478
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(3.254.966.088)	(62.913.953)	(74.460.070.394)	(181.809.530)	(77.959.759.965)
Khấu hao trong năm	(193.009.158)	-	(6.720.812.438)	(2.009.494)	(6.915.831.090)
Số cuối năm	(3.447.975.246)	(62.913.953)	(81.180.882.832)	(183.819.024)	(84.875.591.055)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.027.496.099	-	37.545.756.736	-	39.573.252.835
Số cuối năm	2.161.920.274	-	51.572.531.798	34.161.415	53.768.613.487

VND

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Điện lực Trà Vinh – Huyện Tiểu Cần	6.111.351.552	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Vinasino	3.709.502.120	-
Công ty Điện lực Trà Vinh – Huyện Duyên Hải	2.928.665.657	-
Công ty Điện lực Trà Vinh – Thành phố Trà Vinh	1.531.097.947	45.668.500
Khác	111.337.741	-
TỔNG CỘNG	14.391.955.017	45.668.500

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.695.858.574	5.770.881.407	(7.107.926.456)	358.813.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	926.500.562	8.688.237.093	(8.257.759.057)	1.356.978.598
Thuế thu nhập cá nhân	8.505.228	701.968.235	(689.159.470)	21.313.993
TỔNG CỘNG	2.630.864.364	15.161.086.735	(16.054.844.983)	1.737.106.116

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Trích trước tiền mua điện	25.761.282.461	29.775.464.350
Khác	56.120.001	58.000.000
TỔNG CỘNG	25.817.402.462	29.833.464.350

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	275.212.100	303.816.102
TỔNG CỘNG	847.706.923	876.310.925

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	17.027.024.093	88.546.346.485
Số đầu năm	-	-	-	28.527.148.641	28.527.148.641
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	28.562.172.734	100.081.495.126
Năm nay	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	28.562.172.734	100.081.495.126
Số đầu năm	-	-	-	32.512.072.985	32.512.072.985
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	43.582.245.719	115.101.568.111

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 30% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 30% này, tương đương với 15.792.000.000 đồng vào ngày 18 tháng 4 năm 2023.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Vốn góp cổ đông	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	3.489.272	34.892.720.000	3.489.272	34.892.720.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	1.075.258	10.752.580.000	1.075.258	10.752.580.000
Công ty Cổ phần Galax	375.270	3.752.700.000	375.270	3.752.700.000
Cổ đông khác	340.200	3.402.000.000	340.200	3.402.000.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
TỔNG CỘNG	5.264.000	52.640.000.000	5.264.000	52.640.000.000

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	52.800.000.000	52.800.000.000
Cổ tức công bố	15.792.000.000	15.792.000.000
Cổ tức đã trả	15.792.000.000	15.792.000.000

17.4. Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.512.072.985	28.527.148.641
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.700.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	32.512.072.985	26.827.148.641
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.176	5.096
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.176	5.096

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	619.783.990.099	578.311.921.658
Doanh thu bán thiết bị điện	10.550.482.201	11.510.721.894
Doanh thu bán phế liệu	-	1.187.588.617
TỔNG CỘNG	630.339.472.300	591.010.232.169

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	249.378.617	346.583.373
Lãi trả chậm	-	165.648
TỔNG CỘNG	249.378.617	346.749.021

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Giá vốn của điện thương phẩm	507.237.013.639	483.940.840.067
Chi phí khấu hao	6.447.162.974	5.427.638.881
Chi phí phân bổ	6.238.690.590	4.888.271.831
Giá vốn của thiết bị điện	5.597.013.656	6.806.449.059
Khác	1.077.916.647	2.057.954.294
TỔNG CỘNG	526.597.797.506	503.121.154.132

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	41.074.481.894	37.331.869.163
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.012.904.760	1.832.417.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.331.920	213.986.693
Chi phí khấu hao	120.480.798	116.087.022
Khác	1.987.501.933	2.462.897.254
TỔNG CỘNG	46.794.701.305	41.957.257.183

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.210.365.731	7.759.864.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.183.681	255.656.787
Thiết bị văn phòng	490.954.438	177.368.321
Chi phí khấu hao	348.187.318	331.214.655
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	122.000.000	116.000.000
Khác	4.848.464.475	1.778.646.692
TỔNG CỘNG	15.651.155.643	10.418.751.437

(*) Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty	122.000.000	116.000.000

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
Giá vốn của điện thương phẩm	507.237.013.639	483.940.840.067
Chi phí nhân viên	50.284.847.625	45.091.734.145
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 11)	6.915.831.090	5.874.940.558
Nguyên vật liệu	6.293.036.067	8.864.403.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.352.515.601	585.643.480
Khác	15.960.410.422	11.139.601.149
TỔNG CỘNG	589.043.654.444	555.497.162.752

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.454.585.093	7.302.669.797
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	233.652.000	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	228.996.100	-
TỔNG CỘNG	8.917.233.193	7.302.669.797

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.429.306.178	35.829.818.438
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	8.285.861.236	7.165.963.688
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	58.560.000	58.560.000
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	233.652.000	-
Chi phí không được trừ	339.159.957	78.146.109
Chi phí thuế TNDN	8.917.233.193	7.302.669.797

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.152.256.492	5.955.092.870	(832.836.378)	-
Trợ cấp thời việc phải trả	573.840.278	-	573.840.278	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	5.726.096.770	5.955.092.870		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(228.996.100)	-

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Năng lượng Ree	Công ty mẹ
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Galax NH	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Bà Lê Thị Khê	Công ty mẹ cao nhất
Ông Nguyễn Phong Danh	Chủ tịch
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	10.467.816.000	10.467.816.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ	7.043.761.140 -	1.959.489.724 1.734.191.040
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	3.225.774.000	3.225.774.000
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	1.125.810.000	1.125.810.000
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ Bán nguyên vật liệu	143.677.964 11.537.738 18.093.600	- - -
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	31.273.571 2.003.465	175.027.666 -

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng Quản trị		322.800.000	309.000.000
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	102.000.000	102.000.000
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành Viên	55.200.000	41.400.000

Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc

Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	1.305.000.000	1.161.406.119
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.133.000.000	1.017.569.520
Bà Trương Thị Thủy Linh (miễn nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	358.324.600	547.084.821
Ông Kiều Thanh Hải (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	199.316.000	-

TỔNG CỘNG

3.318.440.600 3.035.060.460

Thu nhập của Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban Kiểm soát	127.200.000	127.200.000

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	86.601.345	86.601.345
Từ 1 đến 5 năm	433.006.725	433.006.725
Trên 5 năm	3.218.576.354	3.305.177.699
TỔNG CỘNG	3.738.184.424	3.824.785.769

26. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Theo yêu cầu tại Công văn số 4236/PCTV-KD ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam – Công ty Điện Lực Trà Vinh - nhà cung cấp nguồn điện thương phẩm duy nhất cho Công ty, Công ty đã thay đổi lịch ghi chỉ số điện về ngày cuối tháng. Theo đó Công ty đã điều chỉnh hồi tố giá vốn hàng bán của năm 2022 và một số dữ liệu tương ứng có liên quan để đảm bảo tính so sánh được với số liệu kỳ hiện tại. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày sau đây:

Khoản mục	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	VND
			Số liệu sau điều chỉnh

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.955.092.870	5.955.092.870
Chi phí phải trả ngắn hạn	58.000.000	29.775.464.350	29.833.464.350
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	24.130.604.547	(24.095.580.454)	35.024.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	28.251.939.667	275.208.974	28.527.148.641

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giá vốn hàng bán	(503.465.165.349)	(344.011.217)	(503.121.154.132)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	87.545.066.820	344.011.217	87.889.078.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.515.807.221	344.011.217	35.859.818.438
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.485.807.221	344.011.217	35.829.818.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(7.233.867.554)	68.802.243	(7.302.669.797)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.251.939.667	275.208.974	28.527.148.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.367	271	5.096
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.367	271	5.096

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.485.807.221	344.011.217	35.829.818.438
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	41.021.242.207	344.011.217	41.365.253.424
Tăng các khoản phải trả	769.840.262	(344.011.217)	425.829.045

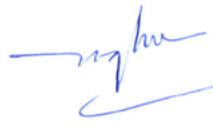
27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã thông báo việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 15% trên mệnh giá cổ phiếu theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 1 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Vương Quý Khen
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Trà Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lý Ngọc Tuấn

